

**BỘ THỦY SẢN**

**QUYẾT ĐỊNH của Bộ trưởng Bộ Thủy sản số 21/2004/QĐ-BTS ngày 15/9/2004 phê duyệt Chương trình hành động của Bộ Thủy sản về đẩy nhanh công nghiệp hóa, hiện đại hóa ngành Thủy sản giai đoạn 2001 - 2010.**

**BỘ TRƯỞNG BỘ THỦY SẢN**

*Căn cứ Nghị định 43/2003/NĐ-CP ngày 02/5/2003 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Thủy sản;*

*Căn cứ Quyết định số 68/2002/QĐ-TTg ngày 04/6/2002 của Thủ tướng Chính phủ "ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ 5 Ban Chấp hành Trung ương Đảng Khóa IX về đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn thời kỳ 2001 - 2010";*

*Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt Chương trình hành động của Bộ Thủy sản về đẩy nhanh công nghiệp hóa, hiện đại hóa ngành

Thủy sản giai đoạn 2001 - 2010 ban hành kèm theo Quyết định này.

**Điều 2.** Các đơn vị chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện các nội dung của Chương trình theo nhiệm vụ được phân công.

**Điều 3.** Các Chánh Văn phòng; Vụ trưởng các Vụ, Cục trưởng, Chánh Thanh tra Bộ; Thủ trưởng các đơn vị có liên quan; Giám đốc các Sở Thủy sản, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có quản lý thủy sản chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo./.

BỘ TRƯỞNG BỘ THỦY SẢN

**Tạ Quang Ngọc**

**CHƯƠNG TRÌNH hành động của Bộ Thủy sản về đẩy nhanh công nghiệp hóa, hiện đại hóa ngành Thủy sản giai đoạn 2001 - 2010**

*(ban hành kèm theo Quyết định số 21/2004/QĐ-BTS ngày 15 tháng 9 năm 2004).*

Hội nghị lần thứ 5 Ban Chấp hành Trung ương Đảng Khóa IX đã ban hành

Nghị quyết số 15/NQ-TW ngày 18/3/2002 về đẩy nhanh công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn thời kỳ 2001 - 2010.

Thực hiện Quyết định số 68/2002/QĐ-TTg ngày 04/6/2002 của Thủ tướng Chính phủ "Ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ 5 Ban Chấp hành Trung ương Đảng Khóa IX về đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn thời kỳ 2001 - 2010; Bộ Thủy sản xây dựng Chương trình hành động với các nội dung chủ yếu sau đây:

## I. MỤC TIÊU VÀ YÊU CẦU CỦA CHƯƠNG TRÌNH

Mục tiêu của Chương trình là tổ chức thực hiện thắng lợi Nghị quyết Trung ương số 15/NQ-TW ngày 18/3/2002 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Khóa IX nhằm xây dựng ngành Thủy sản trở thành một ngành công nghiệp sản xuất hàng hóa lớn, hiện đại với năng suất, chất lượng, hiệu quả ngày càng cao, có sức cạnh tranh và phát triển bền vững trên cơ sở ứng dụng các thành tựu khoa học, công nghệ tiên tiến đáp ứng nhu cầu tiêu dùng trong nước và xuất khẩu, xây dựng nông thôn nghề cá văn minh,

hiện đại. Xây dựng nghề cá nhân dân tiến lên công nghiệp và hiện đại.

Yêu cầu của Chương trình là quán triệt thực hiện đầy đủ và kịp thời Quyết định số 68/2002/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ. Trên cơ sở đó, Bộ Thủy sản có sự phân công, phân nhiệm, tổ chức và chỉ đạo thực hiện nội dung Chương trình hành động của Bộ đạt hiệu quả đã đề ra.

## II. NỘI DUNG CHÍNH CỦA CHƯƠNG TRÌNH

Căn cứ Quyết định số 68/2002/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ để thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ 5 Ban Chấp hành Trung ương Đảng Khóa IX, Chương trình hành động của Bộ Thủy sản về đẩy nhanh công nghiệp hóa, hiện đại hóa ngành Thủy sản giai đoạn 2001 - 2010 có các nội dung chính như sau:

### 1. Rà soát điều chỉnh, bổ sung quy hoạch của Ngành:

1.1. Xây dựng quy hoạch các vùng sản xuất thủy sản tập trung theo hướng hình thành ngành sản xuất hàng hóa thủy sản lớn phù hợp với nhu cầu thị trường trong và ngoài nước và điều kiện sinh thái của từng vùng.

1.2. Rà soát và điều chỉnh lại các quy hoạch đã và đang thực hiện, cụ thể là:

- Quy hoạch chuyển đổi cơ cấu kinh tế trong ngành Thủy sản.

- Quy hoạch chế biến và tiêu thụ thủy sản.

- Quy hoạch khai thác hải sản xa bờ Vịnh Bắc Bộ thời kỳ 2001 - 2010.

- Quy hoạch khai thác hải sản ven bờ vùng Đông và Tây Nam bộ thời kỳ 2001 - 2010.

- Quy hoạch các tụ điểm nghề cá phục vụ khai thác vùng khơi thời kỳ 1996 - 2010.

- Quy hoạch khai thác hải sản xa bờ vùng Đông và Tây Nam bộ đến năm 2010.

- Quy hoạch khai thác hải sản ven bờ Trung bộ đến năm 2010.

- Quy hoạch nuôi hải sản ở các vùng Bắc Bộ và Bắc Trung bộ thời kỳ 2001 - 2010.

- Quy hoạch nuôi tôm tập trung đến năm 2010.

- Quy hoạch phát triển nuôi trồng thủy sản vùng cát ven biển miền Trung.

- Quy hoạch nuôi trồng thủy sản đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2010.

- Quy hoạch phát triển nuôi trồng thủy sản và chuyển đổi mục đích sử dụng đất vùng ruộng trũng đồng bằng sông Cửu

Long và đồng bằng sông Hồng đến năm 2010.

**2. Xây dựng và triển khai thực hiện các chương trình kinh tế và các đề án về chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng sản xuất hàng hóa lớn, gắn với thị trường, ứng dụng thành tựu khoa học trước hết là công nghệ sinh học, nâng cao năng suất, chất lượng hiệu quả và sức cạnh tranh phát triển ngành Thủy sản:**

2.1. Xây dựng quy hoạch các vùng sản xuất thủy sản tập trung theo hướng hình thành ngành sản xuất hàng hóa thủy sản lớn phù hợp với nhu cầu thị trường trong và ngoài nước và điều kiện sinh thái của từng vùng.

2.2. Quy hoạch các tụ điểm nghề cá phục vụ khai thác vùng khơi thời kỳ 1996 - 2010.

2.3. Quy hoạch nuôi trồng thủy sản cho các vùng đồng bằng Nam bộ, đồng bằng sông Hồng và ven biển miền Trung.

2.4. Đề án đảm bảo giống thủy sản và lập ngân hàng bảo tồn gen các giống thủy đặc sản.

2.5. Các đề án xây dựng hệ thống chợ cá và trung tâm thương mại thủy sản và phát triển thị trường, nâng cao điều kiện an toàn vệ sinh sản phẩm.

2.6. Xây dựng quy hoạch phát triển ngành Cơ khí và hậu cần thủy sản đến năm 2010 - Định hướng đến năm 2020.

### 3. Xây dựng các đề án phát triển kinh tế xã hội:

3.1. Đề án chuyển dịch cơ cấu thủy sản 7 vùng sinh thái: Trung du miền núi phía Bắc, đồng bằng sông Hồng, Duyên hải Bắc Trung bộ, Duyên hải Nam Trung bộ, Tây Nguyên, Đông Nam bộ, đồng bằng sông Cửu Long.

3.2. Đề án quản lý bền vững nguồn lợi thủy sản phục vụ sinh kế cho các cộng đồng ngư dân.

3.3. Đề án phát triển khai thác, nuôi trồng, chế biến, dịch vụ hậu cần thủy sản phục vụ xóa đói giảm nghèo vùng bãi ngang ven biển.

3.4. Tiếp tục đổi mới cơ chế, chính sách khuyến khích và tạo điều kiện phát triển các thành phần kinh tế tham gia vào sản xuất, kinh doanh thủy sản.

4. Đề án ứng dụng nhanh tiến bộ khoa học kỹ thuật và xây dựng nguồn nhân lực gắn kinh tế với quốc phòng.

4.1. Đề án ứng dụng tiến bộ kỹ thuật vào phát triển khai thác hải sản xa bờ và nuôi ở vùng biển xa và hải đảo.

- Công nghệ sau thu hoạch cho khai thác hải sản xa bờ.

- Công nghệ sinh học trong sản xuất giống, phòng ngừa dịch bệnh, chế biến thức ăn chế phẩm sinh học phục vụ sản xuất.

4.2. Đề án xây dựng khu vực bảo tồn thủy sản nội địa và bảo tồn biển Việt Nam.

4.3. Đề án hiện đại hóa quản lý nghề cá biển.

4.4. Đề án đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng nhiệm vụ công nghiệp hóa, hiện đại hóa ngành Thủy sản.

4.5. Đề án thiết lập các trung tâm ứng dụng kỹ thuật hiện đại về quan trắc cảnh báo môi trường, dự báo dịch bệnh thủy sản.

### III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Để thực hiện tốt Quyết định số 68/2002/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ trên cơ sở Chương trình soạn thảo căn cứ vào các nội dung Quyết định số 68/2002/QĐ-TTg đã được Chính phủ phân công, Bộ Thủy sản tập trung chỉ đạo thường xuyên công tác xây dựng quy hoạch, chiến lược, quản lý, triển khai các Chương trình lớn của Ngành, các đề án dự án phát triển Ngành. Đặc biệt đối với việc ứng dụng các thành tựu của khoa học công nghệ, công nghệ sinh học, các tiến bộ kỹ thuật và phương pháp quản lý tiên tiến. Bộ Thủy sản yêu cầu các Vụ, Cục, Thanh tra, Văn phòng, các Trung tâm, các Viện, Trường, các Tổng công ty, các Sở Thủy sản và Sở Nông nghiệp và Phát

9685675

triển nông thôn có quản lý thủy sản, Hội Nghề cá Việt Nam, Hiệp hội chế biến xuất khẩu thủy sản Việt Nam và các cơ quan thông tin, báo, tạp chí của Bộ tổ chức triển khai các nội dung Chương trình hành động của Bộ Thủy sản kịp thời, cụ thể là:

**1.** Tỉnh là địa bàn cơ bản để triển khai và chỉ đạo thực hiện các chủ trương, chính sách, quy hoạch tổng thể và quy hoạch chi tiết, các chương trình dự án, đề án công nghiệp hóa - hiện đại hóa của ngành Thủy sản. Các Sở Thủy sản, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có quản lý thủy sản, các Tổng công ty, công ty thuộc Bộ phân công đồng chí lãnh đạo Sở, lãnh đạo Tổng công ty và công ty chỉ đạo các bộ phận thuộc đơn vị tổ chức triển khai chương trình hành động công nghiệp hóa, hiện đại hóa ngành Thủy sản theo sự phân công nêu ra trong Quyết định này.

Các Viện, Trường, Trung tâm, Công đoàn Thủy sản Việt Nam căn cứ vào chương trình hành động của Bộ Thủy sản xây dựng Chương trình hành động cụ thể làm nòng cốt trong việc thực hiện các chủ trương công nghiệp hóa, hiện đại hóa của ngành Thủy sản được phân công. Các Hội, Hiệp hội nghề nghiệp căn cứ chương trình phù hợp triển khai sâu rộng trong quần chúng, hội viên.

**2.** Các Vụ, Cục, Thanh tra, Văn phòng

tiến hành rà soát lại các chương trình, dự án, các cơ chế, chính sách, quy chế có liên quan để điều chỉnh bổ sung, sửa đổi, xây dựng mới phù hợp với giai đoạn phát triển của Ngành.

**3.** Bộ trưởng Bộ Thủy sản phân công một đồng chí Thứ trưởng phụ trách, chỉ đạo công tác này. Vụ Khoa học Công nghệ là cơ quan thường trực chịu trách nhiệm chung, tham mưu giúp Bộ trưởng theo dõi tổng hợp tình hình, đôn đốc các cơ quan, đơn vị có liên quan thuộc chương trình thực hiện, định kỳ báo cáo Bộ trưởng để Bộ báo cáo theo quy định chung của Chính phủ.

**4.** Tiến hành xây dựng một số mô hình điểm ở một số địa phương và một số doanh nghiệp thuộc Bộ về công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong lĩnh vực khai thác, nuôi trồng và chế biến thủy sản để từ đó đánh giá, rút kinh nghiệm cho các công việc tiếp theo.

**5.** Hàng năm và định kỳ các Sở Thủy sản và Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có quản lý thủy sản, các Viện, Trường, Trung tâm, Tổng công ty, Công ty có sơ kết, tổng kết các chương trình, đề án được triển khai thực hiện tại địa phương và đơn vị mình về công nghiệp hóa, hiện đại hóa ngành Thủy sản để báo cáo Bộ Thủy sản và các cơ quan có liên quan theo yêu cầu./.

0685675

LawSoin \* Tel: +84-8-3845 6684 \* www.ThuVienPhapLuat.com

**Phụ lục**

**CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG VỀ CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA  
NGÀNH THỦY SẢN GIAI ĐOẠN 2001 - 2010**

*(kèm theo Quyết định số 21/2004/QĐ-BTS ngày 15 tháng 9 năm 2004).*

| Số thứ tự | Nội dung công việc  | Đơn vị chủ trì                     | Đơn vị phối hợp   | Thời hạn trình (cấp trình) |             | Hình thức văn bản                  |
|-----------|---|------------------------------------|---|----------------------------|-------------|------------------------------------|
|           |   |                                    |   | Chính phủ                  | Bộ Thủy sản |                                    |
| (1)       | (2)   | (3)                                | (4)   | (5)                        | (6)         | (7)                                |
| I         | <b>Quy hoạch tổng thể Ngành</b><br>Hoàn chỉnh Quy hoạch tổng thể phát triển ngành Thủy sản đến năm 2010                                     | Viện Kinh tế và Quy hoạch thủy sản | Vụ Kế hoạch - Tài chính   | 2004                       |             | Quyết định của Thủ tướng Chính phủ |
| II        | <b>Quy hoạch vùng sản xuất tập trung</b><br>Quy hoạch các vùng sản xuất thủy sản tập trung (theo hướng sản xuất hàng hóa có sản lượng lớn). | Viện Kinh tế và Quy hoạch thủy sản | Vụ Nuôi trồng thủy sản, Cục Khai thác và Bảo vệ nguồn lợi thủy sản, Vụ Khoa học Công nghệ, Vụ Kế hoạch - Tài chính và các đơn vị có liên quan |                            | 2004 - 2006 | Quyết định của Bộ Thủy sản         |
| III       | <b>Quy hoạch chi tiết</b><br><i>* rà soát và điều chỉnh lại các quy hoạch đã và đang thực hiện:</i>   |                                    |   |                            |             |                                    |

| (1)   | (2)   | (3)                                | (4)   | (5) | (6)         | (7)                        |
|-------|---|------------------------------------|---|-----|-------------|----------------------------|
| III.1 | Quy hoạch chuyển đổi cơ cấu kinh tế trong ngành Thủy sản                      | Viện Kinh tế và Quy hoạch thủy sản | Vụ Nuôi trồng thủy sản, Cục Khai thác và Bảo vệ nguồn lợi thủy sản, Vụ Khoa học Công nghệ, Vụ Kế hoạch - Tài chính và các Sở Thủy sản, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có quản lý thủy sản |     | 2004 - 2005 | Quyết định của Bộ Thủy sản |
| III.2 | Quy hoạch chế biến và tiêu thụ thủy sản                                       | Viện Kinh tế và Quy hoạch thủy sản | Vụ Kế hoạch - Tài chính, Vụ Khoa học Công nghệ, Cục Quản lý chất lượng, an toàn vệ sinh và thú y thủy sản, Hiệp hội chế biến xuất khẩu thủy sản và các địa phương có liên quan                    |     | 2004 - 2005 | Quyết định của Bộ Thủy sản |
| III.3 | Quy hoạch khai thác hải sản xa bờ Vịnh Bắc Bộ thời kỳ 2001 - 2010             | Viện Kinh tế và Quy hoạch thủy sản | Cục Khai thác và Bảo vệ nguồn lợi thủy sản, Vụ Khoa học Công nghệ, các Vụ, Cục, Hội nghề cá và địa phương có liên quan  |     | 2005 - 2006 | Quyết định của Bộ Thủy sản |
| III.4 | Quy hoạch khai thác hải sản ven bờ Đông và Tây Nam Bộ thời kỳ 2001 - 2010     | Viện Kinh tế và Quy hoạch thủy sản | Cục Khai thác và Bảo vệ nguồn lợi thủy sản, Vụ Khoa học Công nghệ, các Vụ, Cục, Hội nghề cá và các Sở Thủy sản  |     | 2005        | Quyết định của Bộ Thủy sản |
| III.5 | Quy hoạch các tụ điểm nghề cá phục vụ khai thác vùng khơi thời kỳ 1996 - 2010 | Viện Kinh tế và Quy hoạch thủy sản | Cục Khai thác và Bảo vệ nguồn lợi thủy sản, Vụ Khoa học Công nghệ, Vụ Kế hoạch - Tài chính, Hội nghề cá, các Sở Thủy sản, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có quản lý thủy sản              |     | 2006        | Quyết định của Bộ Thủy sản |

| (1)   | (2)  | (3)                                | (4)   | (5) | (6)  | (7)                        |
|-------|--|------------------------------------|---|-----|------|----------------------------|
| III.6 | Quy hoạch khai thác hải sản ven bờ Trung bộ đến năm 2010                   | Viện Kinh tế và Quy hoạch thủy sản | Cục Khai thác và Bảo vệ nguồn lợi thủy sản, Vụ Khoa học Công nghệ, Vụ Kế hoạch - Tài chính, Hội nghề cá và các Sở Thủy sản  |     | 2007 | Quyết định của Bộ Thủy sản |
| III.7 | Quy hoạch khai thác hải sản xa bờ vùng Đông và Tây Nam bộ đến năm 2010     | Viện Kinh tế và Quy hoạch thủy sản | Cục Khai thác và Bảo vệ nguồn lợi thủy sản, Vụ Khoa học Công nghệ, Vụ Kế hoạch - Tài chính, Hội nghề cá và các Sở Thủy sản, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có quản lý thủy sản  |     | 2008 | Quyết định của Bộ Thủy sản |
| III.8 | Quy hoạch nuôi hải sản ở các vùng Bắc bộ, Bắc Trung bộ thời kỳ 2001 - 2010 | Viện Kinh tế và Quy hoạch thủy sản | Vụ Nuôi trồng thủy sản, Vụ Khoa học Công nghệ, Vụ Kế hoạch - Tài chính, Hội nghề cá và các Sở Thủy sản, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có quản lý thủy sản  |     | 2005 | Quyết định của Bộ Thủy sản |
| III.9 | Quy hoạch nuôi tôm tập trung đến năm 2010                                  | Viện Kinh tế và Quy hoạch thủy sản | Vụ Nuôi trồng thủy sản, Khoa học Công nghệ, Cục, Quản lý chất lượng, an toàn vệ sinh và thú y thủy sản, Viện Nghiên cứu nuôi trồng thủy sản 1, 2, Trung tâm 3 và các Vụ, Cục, Trung tâm, Hội nghề cá, các Sở Thủy sản, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có quản lý thủy sản |     | 2006 | Quyết định của Bộ Thủy sản |



| (1)    | (2)  | (3)                                | (4)   | (5) | (6)         | (7)                        |
|--------|--|------------------------------------|---|-----|-------------|----------------------------|
| III.10 | Quy hoạch phát triển nuôi trồng thủy sản vùng cát ven biển miền Trung  | Viện Kinh tế và Quy hoạch thủy sản | Vụ Khoa học Công nghệ, Nuôi trồng thủy sản, Kế hoạch - Tài chính, Trung tâm Khuyến ngư Quốc gia và Sở Thủy sản các tỉnh miền Trung  |     | 2004 - 2005 | Quyết định của Bộ Thủy sản |
| III.11 | Quy hoạch phát triển nuôi trồng thủy sản vùng ruộng trũng đồng bằng sông Cửu Long và đồng bằng Sông Hồng đến năm 2010                    | Viện Kinh tế và Quy hoạch thủy sản | Vụ Khoa học Công nghệ, Kế hoạch - Tài chính, Nuôi trồng thủy sản, Viện Nghiên cứu nuôi trồng thủy sản 1, 2, Trung tâm 3, Trung tâm Khuyến ngư Quốc gia, Hội nghề cá và các địa phương có quản lý thủy sản liên quan, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn |     | 2004 - 2005 | Quyết định của Bộ Thủy sản |
| III.12 | <b>* Xây dựng kế hoạch chi tiết</b><br>Quy hoạch phát triển nuôi trồng thủy sản đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2010 (đợt 1 và bổ sung). | Viện Kinh tế và Quy hoạch thủy sản | Vụ Nuôi trồng thủy sản, Cục Khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản, Vụ Khoa học Công nghệ, Vụ Kế hoạch - Tài chính, Hội nghề cá, các Sở Thủy sản, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có quản lý thủy sản, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn        |     | 2004 - 2005 | Quyết định của Bộ Thủy sản |
| III.13 | Quy hoạch chuyển đổi mục đích sử dụng vùng ruộng trũng sang nuôi trồng thủy sản ở Bắc  | Viện Kinh tế và Quy hoạch thủy sản | Vụ Nuôi trồng thủy sản, Cục Khai thác và Bảo vệ nguồn lợi thủy sản, Vụ Khoa học Công nghệ, Vụ Kế hoạch - Tài chính và các Sở Thủy   |     | 2005        | Quyết định của Bộ Thủy sản |

| (1)    | (2)  | (3)                                | (4)   | (5) | (6)         | (7)                                  |
|--------|--|------------------------------------|---|-----|-------------|--------------------------------------|
|        | bộ, đồng bằng sông Cửu Long  |                                    | sản, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có quản lý thủy sản, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn   |     |             |                                      |
| III.14 | Quy hoạch hệ thống thủy lợi phục vụ nuôi trồng thủy sản<br>- Bán đảo Cà Mau<br>- Nam Trung bộ<br>- Phần còn lại. | Viện Kinh tế và Quy hoạch thủy sản | Vụ Nuôi trồng thủy sản, Khoa học Công nghệ, Trung tâm Khuyến ngư quốc gia, các Viện, Vụ, Cục, các Sở Thủy sản, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có quản lý thủy sản, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn |     | 2004 - 2005 | Quyết định của Bộ Thủy sản           |
| III.15 | Quy hoạch nuôi trồng thủy sản ở các hồ chứa  | Viện Kinh tế và Quy hoạch thủy sản | Vụ Nuôi trồng thủy sản, Khoa học Công nghệ, Trung tâm Khuyến ngư Quốc gia, các Viện, Vụ, Cục, các Sở Thủy sản, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có quản lý thủy sản   |     | 2006        | Quyết định của Bộ Thủy sản           |
| III.16 | Quy hoạch phát triển hệ thống cơ quan nghiên cứu khoa học thời kỳ 2002 - 2020                                    | Viện Kinh tế và Quy hoạch thủy sản | Vụ Khoa học Công nghệ, Tổ chức cán bộ, các Viện, Vụ, Cục có liên quan   |     | 2005        | Quyết định của Bộ trưởng Bộ Thủy sản |
| IV     | <b>Xây dựng và triển khai các chương trình kinh tế và các đề án của Ngành.</b>                                   |                                    |   |     |             |                                      |

| (1)  | (2)  | (3)  | (4)  | (5)                            | (6)         | (7)                                |
|------|--|--|--|--------------------------------|-------------|------------------------------------|
| IV.1 | <b>* Các chương trình, đề án đã được duyệt:</b><br>Chương trình phát triển nuôi trồng thủy sản đến thời kỳ 1999 - 2010 | Ban Chỉ đạo phát triển nuôi trồng thủy sản   | Các Vụ, Cục, Trung tâm và các Sở Thủy sản, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có quản lý thủy sản  | Đã có Quyết định của Chính phủ |             | Thực hiện Quyết định của Chính phủ |
| IV.2 | Chương trình chế biến xuất khẩu thủy sản đến năm 2005  | Vụ Kế hoạch - Tài chính                      | Các Vụ, Cục, Thanh tra, Văn phòng, Cục Quản lý chất lượng vệ sinh và thú y thủy sản, Hiệp hội chế biến xuất khẩu thủy sản, các doanh nghiệp, các Sở Thủy sản, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có quản lý thủy sản | Đã có Quyết định của Chính phủ |             | Thực hiện Quyết định của Chính phủ |
| IV.3 | Đề án sắp xếp đổi mới các doanh nghiệp nhà nước thuộc Bộ Thủy sản  | Ban Đổi mới doanh nghiệp                     | Các Vụ, Cục, Văn phòng và các doanh nghiệp   |                                | 2003 - 2004 | Thực hiện Quyết định của Chính phủ |
| IV.4 | Đề án công nghệ tin học  | - Ban Chỉ đạo 112<br>- Văn phòng Bộ Thủy sản | Các Vụ, Cục, Văn phòng, Thanh tra, Trung tâm, Tổng công ty, Công ty, các đơn vị thuộc Bộ, các Sở Thủy sản, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có quản lý thủy sản  | Đã có Quyết định của Chính phủ | 2003 - 2006 | Thực hiện Quyết định của Chính phủ |
| IV.5 | Chương trình cải cách hành chính   | Ban Cải cách hành chính                      | Các Vụ, Cục, Văn phòng, Thanh tra, Trung tâm, các Sở Thủy sản, Tổng công ty, Công ty, các đơn vị thuộc Bộ  | Đã có Quyết định của Chính phủ | 2001 - 2010 | Thực hiện Quyết định của Chính phủ |

| (1)  | (2)  | (3)                               | (4)   | (5)                            | (6)         | (7)   |
|------|--|-----------------------------------|---|--------------------------------|-------------|---|
| IV.6 | Đề án quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của Bộ Thủy sản              | Vụ Tổ chức cán bộ lao động        | Các Vụ, Cục, Thanh tra Văn phòng, các đơn vị thuộc Bộ, các Sở Thủy sản, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có quản lý thủy sản      | Đã có Quyết định của Chính phủ | 2003 - 2004 | Ban hành Quyết định triển khai cụ thể của Bộ trưởng   |
| IV.7 | Đề án hỗ trợ xã hội đặc biệt khó khăn các bãi ngang ven biển                               | Vụ Kế hoạch - Tài chính           | Các Vụ, Cục, các Bộ, địa phương có liên quan  | Đã có Quyết định của Chính phủ | 2004        | Các Bộ Lao động - Thương binh xã hội và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xây dựng tiêu chí triển khai |
|      | <b>* Xây dựng các chương trình đề án phát triển Ngành</b>                                  |                                   |   |                                |             |   |
| IV.8 | Chiến lược khai thác hải sản xa bờ đến năm 2010  | Viện Nghiên cứu Hải sản Hải Phòng | Các Vụ Khoa học công nghệ, Kế hoạch - Tài chính, Hợp tác quốc tế, Cục Khai thác và Bảo vệ nguồn lợi thủy sản và các đơn vị có liên quan | 2004                           |             | Quyết định của Thủ tướng Chính phủ  |
| IV.9 | Xây dựng quy hoạch phát triển ngành Cơ khí thủy sản đến năm 2010 - Định hướng đến năm 2020 | Tổng công ty Hải sản biển Đông    | Các Vụ Khoa học công nghệ, Kế hoạch - Tài chính, các Vụ, Cục và các đơn vị thuộc Bộ và các địa phương có liên quan                      | 2004                           |             | Quyết định của Thủ tướng Chính phủ  |

| (1)   | (2)   | (3)  | (4)   | (5)         | (6)               | (7)  |
|-------|---|--|---|-------------|-------------------|--|
| IV.12 | Đề án chuyển dịch cơ cấu kinh tế ngành Thủy sản                               | Viện Kinh tế và quy hoạch Thủy sản         | Các Vụ, Cục, Trung tâm thuộc Bộ, Hiệp hội chế biến xuất khẩu thủy sản, Hội Nghề cá, các Sở Thủy sản, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có quản lý thủy sản                       | 2004 - 2005 |                   | Quyết định của Thủ tướng Chính phủ (hoặc ủy quyền Bộ Thủy sản) |
| IV.13 | Đề án hiện đại hóa công nghiệp chế biến thủy sản                              | Vụ Khoa học - Công nghệ                    | Các Vụ, Cục, Trung tâm, Hiệp hội chế biến xuất khẩu thủy sản, Tổng công ty, Công ty và các địa phương có liên quan  |             | 2005              | Quyết định của Bộ Thủy sản                                     |
| IV.14 | Đề án xây dựng cơ sở hạ tầng và hậu cần dịch vụ nghề cá ven bờ và hải đảo     | Cục Khai thác và Bảo vệ nguồn lợi thủy sản | Các Vụ, Cục và địa phương có liên quan, Hội Nghề cá   |             | 2007              | Quyết định của Bộ Thủy sản                                     |
|       | Đề án xây dựng cơ sở hạ tầng và hệ thống thủy lợi phục vụ nuôi trồng thủy sản | Viện Kinh tế và Quy hoạch thủy sản         | Vụ Nuôi trồng thủy sản, Khoa học Công nghệ, Kế hoạch - Tài chính, các Sở Thủy sản, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có quản lý thủy sản, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn |             | 2005              | Quyết định của Bộ Thủy sản                                     |
| IV.16 | Đề án thông tin và kiểm soát tàu cá trên biển                                 | Cục Khai thác và Bảo vệ nguồn lợi thủy sản | Các Vụ, Cục, các Sở Thủy sản  | 2004 - 2005 |                   | Quyết định của Thủ tướng Chính phủ                             |
| IV.17 | Đề án xây dựng hệ thống kho lạnh trung chuyển và bảo quản hàng thủy sản       | Vụ Khoa học - Công nghệ                    | Các Vụ, Cục, Viện Kinh tế và Quy hoạch thủy sản và các Tổng công ty thuộc Bộ, Hiệp hội chế biến xuất khẩu thủy sản  |             | 2004<br>-<br>2005 | Quyết định của Bộ Thủy sản                                     |

| (1)       | (2)  | (3)                                   | (4)   | (5)         | (6)               | (7)  |
|-----------|--|---------------------------------------|---|-------------|-------------------|--|
| IV.18     | Đề án phát triển thị trường: chợ, các trung tâm thương mại thủy sản                                | Vụ Kế hoạch - Tài chính               | Các Vụ Khoa học Công nghệ, Kế hoạch tài chính, Cục quản lý chất lượng an toàn vệ sinh và thú y thủy sản, doanh nghiệp thuộc Bộ, Hiệp hội chế biến xuất khẩu thủy sản và các Sở Thủy sản |             | 2005<br>-<br>2007 | Quyết định của Bộ Thủy sản                                     |
| <b>V</b>  | <b>Xây dựng các đề án quan hệ sản xuất</b>   |                                       |   |             |                   |  |
| V.1       | Đề án phát triển kinh tế tập thể thủy sản thời kỳ 2001 - 2010                                      | Vụ Kinh tế tập thể và Kinh tế tư nhân | Các Vụ, Cục, các Sở Thủy sản, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có quản lý thủy sản, Hội Nghề cá   | 2004 - 2008 |                   | Quyết định của Chính phủ                                       |
| V.2       | Đề án tiếp tục đổi mới cơ chế, chính sách khuyến khích và tạo điều kiện phát triển kinh tế tư nhân | Vụ Kinh tế tập thể và Kinh tế tư nhân | Các Vụ, Cục, các Sở Thủy sản, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có quản lý thủy sản  | 2005 - 2010 |                   | Quyết định của Thủ tướng Chính phủ (hoặc ủy quyền Bộ Thủy sản) |
| <b>VI</b> | <b>Bảo tồn sinh học</b>  |                                       |   |             |                   |  |
| 1         | Xây dựng quy hoạch và quy chế hệ thống khu bảo tồn biển Việt Nam đến năm 2010                      | Vụ Khoa học - Công nghệ               | Các Vụ, Cục, các Viện nghiên cứu Thủy sản, các Sở Thủy sản, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có quản lý thủy sản  |             | 2004<br>-<br>2010 | Quyết định của Chính phủ                                       |
| 2         | Xây dựng quy hoạch hệ thống khu bảo tồn nội địa đến 2010   | Vụ Khoa học - Công nghệ               | Các Vụ, Cục, các Viện nghiên cứu Thủy sản, các Sở Thủy sản, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có quản lý thủy sản  |             | 2005<br>-<br>2006 | Quyết định của Thủ tướng Chính phủ                             |

| (1)   | (2)   | (3)   | (4)  | (5) | (6)               | (7)                        |
|-------|---|---|--|-----|-------------------|----------------------------|
| VII   | <b>Áp dụng khoa học, công nghệ vào sản xuất kinh doanh</b>  |   |  |     |                   |                            |
| VII.1 | Đề án tăng cường khả năng kiểm soát vệ sinh an toàn thực phẩm và thú y sản phẩm.  | Vụ Khoa học - Công nghệ   | Cục quản lý chất lượng an toàn vệ sinh và thú y thủy sản, các Vụ, Cục và các Sở Thủy sản và Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có quản lý thủy sản |     | 2004<br>-<br>2006 | Quyết định của Bộ Thủy sản |
| VII.2 | Đề án lập ngân hàng bảo tồn gen các giống đặc sản   | Các Viện nghiên cứu thủy sản 1, 2, Trung tâm 3, Viện nghiên cứu hải sản | Các Cục, Vụ của Bộ   |     | 2004<br>-<br>2010 | Quyết định của Bộ Thủy sản |
| VII.3 | Hình thành các trung tâm ứng dụng hiện đại về quan trắc cảnh báo môi trường, kiểm tra vệ sinh thực phẩm, thú y thủy sản | Các Viện nghiên cứu thủy sản 1, 2, Trung tâm 3, Viện nghiên cứu hải sản | Các Vụ, Cục, Trung tâm thuộc Bộ  |     | 2003<br>-<br>2008 | Quyết định của Bộ Thủy sản |
| VII.4 | Đề án nhập khẩu các loại giống mới, công nghệ sản xuất giống tiên tiến phục vụ nuôi trồng thủy sản                      | Vụ Khoa học - Công nghệ   | Các Vụ, Cục, Trung tâm thuộc Bộ và các Sở Thủy sản, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có quản lý thủy sản   |     | 2001<br>-<br>2010 | Quyết định của Bộ Thủy sản |

| (1)         | (2)  | (3)  | (4)   | (5) | (6)               | (7)                        |
|-------------|--|--|---|-----|-------------------|----------------------------|
| VII.5       | Đề án phát triển công nghệ sinh học trong sản xuất giống và chế phẩm sinh học phục vụ nuôi trồng thủy sản          | Vụ Khoa học - Công nghệ                    | Các Vụ nghiên cứu, Trung tâm thuộc Bộ   |     | 2006<br>-<br>2010 | Quyết định của Bộ Thủy sản |
| VII.6       | Đề án áp dụng công nghệ sau thu hoạch cho khai thác hải sản xa bờ  | Vụ Khoa học - Công nghệ                    | Cục Khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản  |     | 2005<br>-<br>2010 | Quyết định của Bộ Thủy sản |
| <b>VIII</b> | <b>Nâng cao năng lực</b>   |  |   |     |                   |                            |
| VIII.1      | Đề án đổi mới cơ chế quản lý hoạt động khoa học, đào tạo, sắp xếp, củng cố hệ thống Viện, Trường thuộc Bộ Thủy sản | Vụ Khoa học - Công nghệ, Vụ Tổ chức cán bộ | Các Vụ, Cục, Viện, Trường   |     | 2004<br>-<br>2005 | Quyết định của Bộ Thủy sản |
| VIII.2      | Đề án đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng nhiệm vụ công nghiệp hóa, hiện đại hóa ngành Thủy sản                         | Vụ Tổ chức cán bộ                          | Các Viện, Trường, Công đoàn thủy sản Việt Nam   |     | 2004<br>-<br>2005 | Quyết định của Bộ Thủy sản |
| VIII.3      | Đề án hoàn thiện tổ chức hoạt động khuyến ngư từ Trung ương tới địa phương   | Vụ Tổ chức cán bộ                          | Các Vụ, Cục, Trung tâm Khuyến ngư Quốc gia và Sở Thủy sản, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có quản lý thủy sản |     | 2004<br>-<br>2005 | Quyết định của Bộ Thủy sản |
| <b>IX</b>   | <b>Cơ chế chính sách</b>   |  |   |     |                   |                            |



| (1)  | (2)  | (3)   | (4)   | (5) | (6)               | (7)   |
|------|--|---|---|-----|-------------------|---|
| IX.1 | Rà soát, xây dựng và ban hành hệ thống các tiêu chuẩn về quản lý chuyên ngành đáp ứng công nghiệp hóa, hiện đại hóa  | Vụ Khoa học - Công nghệ   | Các Vụ, Cục, Trung tâm  |     | 2004<br>-<br>2008 | Quyết định, Thông tư của Bộ Thủy sản                              |
| IX.2 | Triển khai Luật Nghề cá sau khi ban hành   | Vụ Pháp chế   | Các Vụ, Cục, Trung tâm Hiệp hội chế xuất khẩu thủy sản, Hội nghề cá và đơn vị thuộc Bộ, các Sở Thủy sản, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có quản lý thủy sản |     | 2004              | Các Nghị định, văn bản của Bộ Thủy sản và liên Bộ                 |
| IX.3 | Xây dựng mới và rà soát để có kiến nghị về cơ chế, chính sách, mặt nước, mặt đất cho nuôi trồng thủy sản và khai thác hải sản, đầu tư phát triển, tín dụng ngân hàng, thuế quan, thương mại và hội nhập, lao động việc làm, chính sách cán bộ. | Vụ Pháp chế, Vụ Nuôi trồng thủy sản, Vụ Kế hoạch - Tài chính, Vụ Tổ chức cán bộ | Các Vụ, Cục, Trung tâm và các đơn vị thuộc Bộ và địa phương có quản lý thủy sản   |     | 2003<br>-<br>2010 | Quyết định và các văn bản có liên quan của Chính phủ và Bộ, Ngành |